

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 996/TTr-UBND

Chợ Đồn, ngày 22 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch đầu tư công thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 (lần 1)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Chợ Đồn.

Thực hiện Thông báo số 19/TB-HĐND ngày 16/4/2024 của Hội đồng nhân dân huyện dự kiến thời gian, nội dung kỳ họp thứ 13 (kỳ họp chuyên đề) HĐND huyện khoá XX, nhiệm kỳ 2021-2026.

Ủy ban nhân dân huyện trình HĐND huyện ban hành Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch đầu tư công thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 (lần 1), với các nội dung như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ, SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý:

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;
- Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;
- Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND huyện về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư thực hiện các Chương trình MTQG năm 2024.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

Kế hoạch vốn đầu tư Chương trình MTQG năm 2024 đã được HĐND huyện khoá XX, nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua tại kỳ họp lần thứ 12. Tuy nhiên, do sơ xuất của cơ quan tổng hợp, một số danh mục dự án sai tên chủ đầu tư cần điều chỉnh để triển khai thực hiện thanh, quyết toán. Bên cạnh đó, một số dự án không triển khai thực hiện được do không huy động được nguồn đóng góp của nhân dân để thực hiện các công trình Nông thôn mới, cần điều chỉnh thực hiện các danh mục khác.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích xây dựng Nghị quyết:

Nghị quyết được xây dựng để điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư thực hiện các chương trình MTQG năm 2024 phù hợp với nhu cầu thực tế triển khai thực hiện nhằm phát huy tối đa hiệu quả đầu tư và đảm bảo giải ngân tối đa kế hoạch vốn giao.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết:

Đảm bảo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước Nghị định của Chính phủ và các văn hướng dẫn, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Trên cơ sở nhất trí của Ban Thường Vụ huyện Ủy tại Thông báo số 1036-TB-HU ngày 01/4/2024; Thực hiện Thông báo số 19/TB-HĐND ngày 16/4/2024 của Thường trực HĐND huyện về dự kiến thời gian, nội dung, chương trình kỳ họp thứ 13 (kỳ họp chuyên đề) HĐND huyện khoá XX, nhiệm kỳ 2021 - 2026; Ủy ban nhân dân huyện đã giao phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp các phòng, ban chuyên môn, UBND các xã, thị trấn xây dựng tờ trình dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch đầu tư công thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 (lần 1).

Phòng Tài chính - Kế hoạch đã chủ trì phối hợp với các phòng ban, đơn vị, xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND huyện.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Dự thảo Nghị quyết gồm 02 điều:

Điều 1: Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 (lần 1).

Điều 2: Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản:

2.1. *Vốn chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:* Điều chỉnh danh mục thực hiện của xã Ngọc Phái, cụ thể:

- Điều chỉnh giảm không thực hiện danh mục công trình: Kênh mương Lũng Vài thôn Nà Tùm, xã Ngọc Phái, số tiền: 118 triệu đồng, do công trình không huy động được phần nhân dân đóng góp để triển khai thực hiện dự án.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn giao công trình Đường trục thôn Bản Cuôn 1 (đoạn 3), số tiền: 120 triệu đồng (*số kế hoạch vốn sau điều chỉnh là: 745 triệu đồng*). Do công trình đã triển khai thực hiện và dư kế hoạch vốn so với khối lượng thực hiện.

- Điều chỉnh bổ sung 03 danh mục để triển khai thực hiện trong năm 2024 gồm:

+ Công trình: Rãnh thoát nước thôn Bản Ôm, số tiền: 78 triệu đồng.

+ Công trình: Đường ngõ xóm thôn Bản Ôm (Đoạn từ nhà ông Lường Văn Hường lên nhà ông Hoàng Văn Hữu và đoạn từ nhà ông dừng đến bờ suối), số tiền: 92 triệu đồng.

+ Công trình: Kênh mương Nà Khoác - Nà Tèo (đoạn 2), số tiền: 68 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 02).

2.2. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

Điều chỉnh tên chủ đầu tư của 02 công trình; điều chỉnh giám kế hoạch vốn đã cấp cho UBND xã Đồng Thắng và UBND xã Tân Lập cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện. Cụ thể:

+ Công trình: Đường Giao thông thôn Phiêng Đén xã Tân Lập, số tiền: 1.716 triệu đồng.

+ Công trình: Kè Chông xói bờ sông cánh đồng Nà Phành thôn Pác Già xã Đồng Thắng, số tiền: 187 triệu đồng.

Lý do điều chỉnh: Do sơ xuất trong quá trình tổng hợp đã nhầm tên chủ đầu tư giữa UBND xã Đồng Thắng, UBND xã Tân Lập và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện.

(Chi tiết tại biểu số 02).

3.3. Danh mục dự án sau điều chỉnh: Chi tiết tại biểu số 03, 04.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch đầu tư công thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 (lần 1), Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định./.

(Gửi kèm Dự thảo Nghị quyết của HĐND và các biểu kèm theo Nghị quyết).

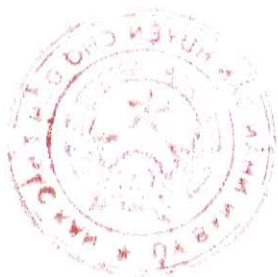
Nơi nhận:

- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- LĐ Văn phòng;
- Các phòng: TC-KH, NN&PTNT, KT&HT;
- Công TTĐT huyện (Đăng tải);
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Triệu Huy Chung



BIỂU TÔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2024 SAU ĐIỀU CHỈNH

Biểu số 01

(Kèm theo Tờ trình số: /TT-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng vốn kế hoạch năm 2024 sau điều chỉnh			Vốn Chương trình MTQG XD NTM (Chi tiết biểu số 03)			Vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng ĐB DTTS và MN (Chi tiết biểu số 04)			Ghi chú
		Tổng cộng	NSTW	NSDP	Tổng cộng	NSTW	NSDP	Tổng cộng	NSTW	NSDP	
1	BQLDA ĐTXD	43.755,286	38.147,786	5.607,500	30.421	25.541,0	4.880,0	13.334,286	12.606,786	727,500	
2	UBND xã Xuân Lạc	1.704,000	1.600,000	104,000	-	-	-	1.704,000	1.600,000	104,000	
3	UBND xã Đại Sào	1.923,000	1.837,000	86,000	-	-	-	1.923,000	1.837,000	86,000	
4	UBND xã Bình Trung	828,000	780,000	48,000	-	-	-	828,000	780,000	48,000	
5	UBND xã Bàn Thi	2.380,000	2.240,000	140,000	-	-	-	2.380,000	2.240,000	140,000	
6	UBND xã Tân Lập	1.148,000	1.080,000	68,000	-	-	-	1.148,000	1.080,000	68,000	
7	UBND xã Bằng Phúc	2.160,000	2.040,000	120,000	-	-	-	2.160,000	2.040,000	120,000	
8	UBND xã Yên Mỹ	1.719,714	1.621,714	98,000	-	-	-	1.719,714	1.621,714	98,000	
9	UBND xã Yên Phong	2.987,000	2.795,000	192,000	-	-	-	2.987,000	2.795,000	192,000	
10	UBND xã Lương Bằng	1.342,000	1.274,000	68,000	-	-	-	1.342,000	1.274,000	68,000	
11	UBND xã Bằng Lăng	1.014,500	923,500	91,000	-	-	-	1.014,500	923,500	91,000	
12	UBND xã Nam Cường	5.544,000	5.343,000	201,000	4.153	4.043,0	110,0	1.391,000	1.300,000	91,000	
13	UBND thị trấn Bằng Lũng	732,500	704,000	28,500	-	-	-	732,500	704,000	28,500	
14	UBND xã Quảng Bạch	1.739,000	1.647,000	92,000	1.331	1.267,0	64,0	408,000	380,000	28,000	
15	UBND xã Yên Thịnh	687,000	664,000	23,000	370	364,0	6,0	317,000	300,000	17,000	
16	UBND xã Nghĩa Tá	1.149,000	1.110,000	39,000	832	810,0	22,0	317,000	300,000	17,000	
17	UBND xã Đồng Thẳng	1.683,000	1.615,000	68,000	831	809,0	22,0	852,000	806,000	46,000	
18	UBND xã Phương Viên	831,000	809,000	22,000	831	809,0	22,0				
19	UBND xã Yên Thượng	831,000	809,000	22,000	831	809,0	22,0				
20	UBND xã Ngọc Phái	1.109,000	1.057,000	52,000	1.109	1.057,0	52,0				
21	UBND xã Đông Lạc	933,000	882,000	51,000	933	882,0	51,0				
	Cộng	76.200,000	68.979,000	7.221,000	41.642	36.391,0	5.251,0	34.558,000	32.588,000	1.970,000	



BIỂU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2024

(Kèm theo tờ trình số: /TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án/công trình	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2024			Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh			Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số QĐ	Tổng số	Tổng số	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9=4+6	10=5+7	11	12
I	CHƯƠNG TRÌNH MTOG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI			4.728	4.431	297	-	-	4.728	4.431	297		
II.1	Ngọc Phái			4.728	4.431	297	-	-	4.728	4.431	297		
1	Đường trục thôn Bán Cuôn 1 (Đoạn 3)	Số 186 ngày 25/11/2022 của UBND xã Ngọc Phái	1.769	865	825	40	(115)	(5)	745	710	35	UBND xã Ngọc Phái	DA chuyển tiếp, giám do dự án đã triển khai thực hiện và dự kiến dự kế hoạch vốn
2	Xây dựng kênh mương Nà Cù thôn Bán Cuôn 1	Số 115 ngày 02/11/2023 của UBND xã Ngọc Phái	100	74	70	4			74	70	4	UBND xã Ngọc Phái	K/công mới
3	Xây dựng kênh mương Nà Mạ thôn Bán Cuôn 1	Số 114 ngày 02/11/2023 của UBND xã Ngọc Phái	70	52	50	2			52	50	2	UBND xã Ngọc Phái	K/công mới
4	Kênh mương Lũng Vai, thôn Nà Tùm xã Ngọc Phái	Số 137 ngày 30/11/2023 của UBND xã Ngọc Phái	160	118	112	6	(112)	(6)	-	-	-	UBND xã Ngọc Phái	Công trình chưa triển khai thực hiện được do không huy động được phần nhân dân đóng góp
5	Rãnh thoát nước thôn Bán Ôm		106				74	4	78	74	4	UBND xã Ngọc Phái	
6	Đường ngõ xóm thôn Bán Ôm (Đoạn từ nhà ông Lương Văn Hương lên nhà ông Hoàng Văn Hữu và đoạn từ nhà ông đứng đến bờ suối)		126				88	4	92	88	4	UBND xã Ngọc Phái	Bổ sung danh mục thực hiện trong năm 2024
7	Kênh mương Nà Khoác - Nà Tèo (đoạn 2)		93				65	3	68	65	3	UBND xã Ngọc Phái	
II	CHƯƠNG TRÌNH MTOG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐB DTTS VÀ MIỀN NÚI			1.903	1.774	129	-	-	1.903	1.774	129		
III.1	Xã Tân Lập			1.716	1.600	116	-	-	1.716	1.600	116		
1	Đường giao thông thôn Phiêng Đén	Q.Đ số 2083 ngày 21/6/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	4.370	1.716	1.600	116	(1.600)	(116)	-	-	-	UBND xã Tân Lập	Điều chỉnh tên chủ đầu tư
III.2	Xã Đông Thắng			187	174	13	-	-	187	174	13		
1	Kè chống xói bờ sông cánh đồng Nà Phành, thôn Pác Già	Q.Đ số 2882 ngày 28/11/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	618	187	174	13	(174)	(13)	-	-	-	UBND xã Đông Thắng	Điều chỉnh tên chủ đầu tư

BIỂU CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024 SAU ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Tờ trình số: /TT-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án/công trình	Tổng mức đầu tư						Lũy kế vốn bố trí đến năm 2023			Kế hoạch vốn năm 2024			Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số QB	Tổng số	NSTW	NSDP	Nguồn huy động khác	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP			
1	2		3=4+5+6	4	5	6	7=8+9	8	9	11=12+13	12	13	14	15	
	Tổng cộng (A+B)		120.289	84.202	22.140	13.946	32.010	28.078	6.833	41.642	36.391	5.251,00			
A	VỐN ĐẦU TƯ CẤP HUYỆN		60.134	42.094	12.462	5.578	17.206	13.578	2.828	20.874	16.173	4.701,00		-	
a	Dự án chuyển tiếp														
1	Trường THPTHCs Đông Thành	3871/QĐ-UBND ngày 28/1/2022 của UBND huyện	5.826	4.078	1.456	292	4.255	4.078	177	1.277	1.344	1.277,00	BQLDA ĐTXD	DA chuyển tiếp	
2	Đầu tư xây dựng trường Mầm non Bàng Phúc	3867/QĐ-UBND ngày 28/1/2022 của UBND huyện	6.207	4.345	1.551	311	4.071	2.200	1.071	1.824	1.344	480,00	BQLDA ĐTXD	DA chuyển tiếp	
3	Đầu tư xây dựng trường Mầm non Yên Mỹ	3869/QĐ-UBND ngày 28/1/2022 của UBND huyện	8.000	5.600	2.000	400	6.983	5.600	1.383	617	-	617,00	BQLDA ĐTXD	DA chuyển tiếp	
4	Đầu tư xây dựng trường tiểu học Bàn Thị	3870/QĐ-UBND ngày 28/1/2022 của UBND huyện	2.150	1.505	538	108	1.612	1.505	107	430	-	430,00	BQLDA ĐTXD	DA chuyển tiếp	
b	Các dự án dự kiến khởi công 2024 - 2025						-	-	-	-					
1	Đầu tư xây dựng TT giáo dục TX-GDDN đạt chuẩn theo quy định	2849/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của UBND huyện	7.541	5.279	264	1.998	285	195	90	5.429	5.279	150,00	BQLDA ĐTXD	K/công mới	
2	Đầu tư xây dựng chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	4113/QĐ-UBND ngày 30/1/2023 của UBND huyện	4.410	3.087	154	1.169				1.577	1.500	77,00	BQLDA ĐTXD	K/công mới	
3	Đầu tư xây dựng trường Tiểu học Bình Trung	4125/QĐ-UBND ngày 30/1/2023 của UBND huyện	7.500	5.250	1.875	375				2.493	2.123	370,00	BQLDA ĐTXD	K/công mới	

STT	Danh mục dự án/công trình	Tổng mức đầu tư					Lũy kế vốn bố trí đến năm 2023			Kế hoạch vốn năm 2024			Chú đầu tư	Ghi chú
		Số QĐ	Tổng số	NSTW	NSDP	Nguồn huy động khác	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP		
1	2		3=4+5+6	4	5	6	7=8+9	8	9	11=12+13	12	13	14	15
4	Mầm non Tân Lập, huyện Chợ Đồn	4130/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của UBND huyện	11.500	8.050	2.875	575				3.500	3.000	500,00	BQLDA ĐTXD	K/công mới
5	Đầu tư xây dựng trường tiểu học Xuân Lạc	4111/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của UBND huyện	7.000	4.900	1.750	350				3.727	2.927	800,00	BQLDA ĐTXD	K/công mới
B	CẤP XÃ		60.155	42.108	9.678	8.369	14.804	14.500	4.005	20.768	20.218	550,00		-
I	Xã Nam Cường		6.999	4.900	323	1.776	768	698	70	4.153	4.043	110,00		
1	Kênh mương thôn Bán Cháy	Số 51 ngày 27/6/2022 của UBND xã Nam Cường	1.000	700	35	265	206	170	36	530	530		UBND xã Nam Cường	ĐA chuyển tiếp
2	Đường trục thôn Nà Hang thôn Bán Lồm	Số 55 ngày 27/6/2022 của UBND xã Nam Cường	641	449	22	170	404	385	19	67	64	3,00	UBND xã Nam Cường	ĐA chuyển tiếp
3	Công trình nước sinh hoạt Nà Lai thôn Bán Cháy	QP số 219 ngày 21/6/2023 của UBND xã Nam Cường	650	455	23	172	158	143	15	308	300	8,00	UBND xã Nam Cường	ĐA chuyển tiếp
4	Kênh Nà Liên thôn Bán Quả	QP số 209 ngày 29/9/2023 của UBND xã Nam Cường	415	291	15	109	-		-	306	291	15,00	UBND xã Nam Cường	K/công mới
6	Đường trục thôn Nà Liên + Cầu dân sinh	QP số 211 ngày 29/9/2023 của UBND xã Nam Cường	1.400	980	49	371				1.029	980	49,00	UBND xã Nam Cường	K/công mới
7	Nhà Văn hoá thôn Bán Cháy	QP số 210 ngày 29/9/2023 của UBND xã Nam Cường	714	500	103	111				512	500	12,00	UBND xã Nam Cường	K/công mới
8	Đường Nà Hang (Đoạn 3)	QP số 212 ngày 29/9/2023 của UBND xã Nam Cường	786	550	28	208				573	550	23,00	UBND xã Nam Cường	K/công mới
9	Đường lên trường Tiểu học Lũng Noong	QP số 213 ngày 29/9/2023 của UBND xã Nam Cường	193	135	7	51				135	135	-	UBND xã Nam Cường	K/công mới
10	Đường nội thôn Lũng Noong đi Phiêng Đén	QP số 157 ngày 29/9/2023 của UBND xã Nam Cường	1.200	840	42	318				693	693	-	UBND xã Nam Cường	K/công mới
II	Xã Đông Lạc		16.721	11.705	3.113	1.903	4.966	3.951	1.015	4.153	4.043	110,00		-

STT	Danh mục dự án/công trình	Tổng mức đầu tư						Lũy kế vốn bố trí đến năm 2023			Kế hoạch vốn năm 2024				Chú đầu tư	Ghi chú
		Số QĐ	Tổng số	NSTW	NSDP	Nguồn huy động khác	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP				
1			3=4+5+6	4	5	6	7=8+9	8	9	11=12+13	12	13	14	15		
1	Nhà văn hóa xã Đông Lạc	802/QĐ-UBND ngày 29/03/2023	3000	2100	438	462	1.921	1.494	427	616	606	10,00	BQLDA ĐTXD	Đã chuyển tiếp		
2	Đường giao thông thôn Thôm Phá (Đoạn lên khu Bản Cóc)	Số 222 ngày 22/10/2022 của UBND xã Đông Lạc	302	211	11	80	211	211	-	10		10,00	UBND xã Đông Lạc	Đã chuyển tiếp		
3	Trường Tiểu học và THCS Đông Lạc	387/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	10928	7650	2411	867	2.834	2.246	588	2.004	2.000	4,00	BQLDA ĐTXD	Đã chuyển tiếp		
3	Đường giao thông nội thôn Nà Tát - Nà Lèo, thôn Nà Dầu xã Đông Lạc	Số 128 ngày 29/11/2023 của UBND xã Đông Lạc	143	100	5	38	-	-	-	105	100	5,00	UBND xã Đông Lạc	K/công mới		
4	Đường giao thông nội đồng Nà Ôn, thôn Nà Ôn	Số 127 ngày 29/11/2023 của UBND xã Đông Lạc	468	328	16	124	-	-	-	174	166	8,00	UBND xã Đông Lạc	K/công mới		
4	Đường nội đồng tại khu cánh đồng Nà Lịn thôn Nà Ôn	Số 129 ngày 29/11/2023 của UBND xã Đông Lạc	220	154	8	58	-	-	-	161	154	7,00	UBND xã Đông Lạc	K/công mới		
5	Kiên cố hóa kênh mương Nà Luông, thôn Nà Pha	Số 126 ngày 29/11/2023 của UBND xã Đông Lạc	220	154	8	58	-	-	-	161	154	7,00	UBND xã Đông Lạc	K/công mới		
5	Kiên cố hóa kênh mương đồng Nà Đằm, thôn Thôm Phá	Số 131 ngày 29/11/2023 của UBND xã Đông Lạc	220	154	8	58	-	-	-	161	154	7,00	UBND xã Đông Lạc	K/công mới		
6	Kiên cố hóa kênh mương đồng Bản Cóc, thôn Thôm Phá	Số 130 ngày 29/11/2023 của UBND xã Đông Lạc	220	154	8	58	-	-	-	161	154	7,00	UBND xã Đông Lạc	K/công mới		
7	Chợ xã Đông Lạc	414/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của UBND huyện	1.000	700	200	100				600	555	45,00	BQLDA ĐTXD	K/công mới		
III	Xã Quảng Bạch		14.053	9.837	2.695	1.521	4.557	3.561	996	4.153	4.043	110,00		-		
1	Trường Tiểu học Quảng Bạch	267/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	10243	7170	2561	512	4.557	3.561	996	1.376	1.376		BQLDA ĐTXD	Đã chuyển tiếp		

STT	Danh mục dự án/công trình	Tổng mức đầu tư				Lấy kế vốn bố trí đến năm 2023			Kế hoạch vốn năm 2024			Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Số QĐ	Tổng số	NSTW	NSDP	Nguồn huy động khác	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW			NSDP
1	2		3=4+5+6	4	5	6	7=8+9	8	9	11=12+13	12	13	14	15
2	Trung tâm thể thao xã Quảng Bạch	4127/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của UBND huyện	2.000	1.400	70	530	-	-	-	1.446	1.400	46,00	BQLDA ĐTXD	K/công mới
3	Kiến cổ hóa kênh mương Nà Púng, thôn Bản Lác	QP 137 ngày 29/11/2023 của UBND xã Quảng Bạch	800	560	28	212	-	-	-	588	560	28,00	UBND xã Quảng Bạch	K/công mới
4	Đường trục thôn Khuổi Đăm (đoạn qua Thôn Lọc)	QP 143 ngày 29/11/2023 của UBND xã Quảng Bạch	110	77	4	29	-	-	-	81	77	4,00	UBND xã Quảng Bạch	K/công mới
5	Đường trục thôn Bản Khát (đoạn đi Nà Láo)	QP 138 ngày 29/11/2023 của UBND xã Quảng Bạch	400	280	14	106	-	-	-	294	280	14,00	UBND xã Quảng Bạch	K/công mới
6	Đường trục thôn Bản Khát (đoạn đỉnh dốc đến nhà ông Đặng Minh Quan)	QP 136 ngày 29/11/2023 của UBND xã Quảng Bạch	500	350	18	132	-	-	-	368	350	18,00	UBND xã Quảng Bạch	K/công mới
IV	Xã Ngọc Phái		15.103	10.572	3.290	1.242	4.087	5.888	1.899	4.153	4.043	110		-
1	Xây mới trường tiểu học Ngọc Phái	số 2676 ngày 22/8/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	11.913	8.339	2.978	596	3.652	5.475	1.878	2.358	2.338	20,00	BQLDA ĐTXD	DA chuyển tiếp
2	Đường trục thôn Bản Cườn 1 (Đoạn 3)	Số 186 ngày 25/11/2022 của UBND xã Ngọc Phái	1.769	1.238	62	469	435	413	22	745	710	35,00	UBND xã Ngọc Phái	DA chuyển tiếp
3	Sửa chữa một số hạng mục công trình Trường Tiểu học, Trường Mầm non Phan trường Bản Cườn	số 4055 ngày 28/11/2023 của UBND huyện Chợ Đồn	926	648	232	46	-	-	-	686	648	38,00	BQLDA ĐTXD	K/công mới
4	Xây dựng kênh mương Nà Cù thôn Bản Cườn 1	Số 115 ngày 02/11/2023 của UBND xã Ngọc Phái	100	70	4	26	-	-	-	74	70	4,00	UBND xã Ngọc Phái	K/công mới
5	Xây dựng kênh mương Nà Mạ thôn Bản Cườn 1	Số 114 ngày 02/11/2023 của UBND xã Ngọc Phái	70	49	2	19	-	-	-	52	50	2,00	UBND xã Ngọc Phái	K/công mới
6	Rãnh thoát nước thôn Bản Ôm		106	74	4	28	-	-	-	78	74	4,00	UBND xã Ngọc Phái	K/công mới
7	Đường ngõ xóm thôn Bản Ôm (Đoạn từ nhà ông Lương Văn Hương lên nhà ông Hoàng Văn Hữu và đoạn từ nhà ông dùng đến bờ suối)		126	88	4	33	-	-	-	92	88	4,00	UBND xã Ngọc Phái	K/công mới

STT	Danh mục dự án/công trình	Tổng mức đầu tư						Lũy kế vốn bố trí đến năm 2023						Kế hoạch vốn năm 2024				Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số QĐ	Tổng số	NSTW	NSDP	Nguồn huy động khác	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP				
1	2		3=4+5+6	4	5	6	7=8+9	8	9	11=12+13	12	13	14	15					
8	Kênh mương Nà Khoác - Nà Tèo (đoạn 2)		93	65	3	25				68	65	3,00	UBND xã Ngọc Phải	K/công mới					
V	Xã Yên Thịnh		818	573	29	217	18	16	3	831	809	22		-					
1	Đường ngõ xóm đoạn từ đường trục thôn đến nhà ông Hoàng Văn Trường thôn Bàn Cẩu	Số 127 ngày 29/11/2023 của UBND xã Yên Thịnh	63	44	2	17	-	-	-	46	44	2,00	UBND xã Yên Thịnh	K/công mới					
2	Đường ngõ xóm đoạn từ nhà ông Triệu Tiến Ngân đến nhà ông Bàn Văn Nhất, thôn Khuổi Liã, xã Yên Thịnh	Số 459 ngày 28/11/2022 của UBND xã Yên Thịnh	120	84	4	32	-	-	-	88	84	4,00	UBND xã Yên Thịnh	K/công mới					
3	Trung tâm thể thao xã Yên Thịnh	Số 4126 ngày 30/11/2023	635	445	22	168	18	15,50	2,90	461	445	16,00	BQLDA ĐTXD	K/công mới					
	Chưa phân bổ					-				236	236		UBND xã Yên Thịnh						
VI	Xã Yên Thượng		1.593	1.115	56	421	-	-	-	831	809	22,00		-					
1	Đường nội đồng cảnh đồng Phiêng Làng thôn Nà Nhảm xã Yên Thượng	QĐ 160 ngày 20/11/2023 của UBND xã Yên Thượng	413	289	14	109	-	-	-	303	289	14,00	UBND xã Yên Thượng	K/công mới					
2	Đường nội đồng cảnh đồng Khuôn Thảm thôn Che Ngà	QĐ 128 ngày 03/10/2023 của UBND xã Yên Thượng	990	693	35	262	-	-	-	388	387	1,00	UBND xã Yên Thượng	K/công mới					
3	Đường nội đồng cảnh đồng Tông Tào thôn Bàn Liễn	QĐ 129 ngày 03/10/2023 của UBND xã Yên Thượng	190	133	7	50				140	133	7,00	UBND xã Yên Thượng	K/công mới					
VII	Xã Phương Viên		1.384	969	48	367	408	386	23	831	809	22,00		-					
1	Đường trục thôn Bàn Lanh xã Phương Viên huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn	Số 166 ngày 19/8/2022 của UBND xã Phương Viên	397	278	14	105	266	254	13	12	12		UBND xã Phương Viên	Đã chuyển tiếp					

STT	Danh mục dự án/công trình	Tổng mức đầu tư						Lũy kế vốn bố trí đến năm 2023			Kế hoạch vốn năm 2024			Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số QĐ	Tổng số	NSTW	NSDP	Nguồn huy động khác	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP			
1	2		3=4+5+6	4	5	6	7=8+9	8	9	11=12+13	12	13	14	15	
2	Đường trục thôn Nà Mạn xã Phương Viên huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn	Số 219 ngày 28/11/2022 của UBND xã Phương Viên	390	273	14	103	142	132	10	144	141	3,00	UBND xã Phương Viên	DA chuyển tiếp	
3	Đường trục thôn Bàn Chang thôn Nà Bjooc đoạn từ nhà ông Tuyên đến nhà ông Ngô xã Phương Viên	Số 131 ngày 16/11/2023 của UBND xã Phương Viên	400	280	14	106				293	280	13,00	UBND xã Phương Viên	K/công mới	
4	Đường trục thôn Nà Mạn đoạn đoạn từ nhà ông Tuyên đến nhà ông Ngô xã Phương Viên	Số 133 ngày 16/11/2023 của UBND xã Phương Viên	70	49	2,45	19				51	49	2,00	UBND xã Phương Viên	K/công mới	
5	Đường trục thôn Nà Càng thôn Nà Càng Đoạn từ đường 257B đến Bia di tích Bàn Cãi) xã Phương Viên	Số 132 ngày 16/11/2023 của UBND xã Phương Viên	127	89	4	34				93	89	4,00	UBND xã Phương Viên	K/công mới	
	Số chưa phân bổ danh mục					-				238	238		UBND xã Phương Viên		
VIII	Xã Đồng Thắng		1.821	1.275	64	483				831	809	22,00		-	
1	Đường Phường Phấn xã Đồng Thắng	Số 83 ngày 25/10/2023 của UBND xã Đồng Thắng	135	94	5	36				99	94	5,00	UBND xã Đồng Thắng	K/công mới	
2	Đường Nà Tà, thôn Nà Chang	Số 82 ngày 25/10/2023 của UBND xã Đồng Thắng	151	106	5	40				111	106	5,00	UBND xã Đồng Thắng	K/công mới	
3	Đường Khuổi Cho, thôn Làng Sen	Số 95 ngày 27/10/2023 của UBND xã Đồng Thắng	270	189	9	72				102	100	2,00	UBND xã Đồng Thắng	K/công mới	
4	Đường thôn Khuổi Nhang, xã Đồng Thắng	Số 97 ngày 27/10/2023 của UBND xã Đồng Thắng	279	195	10	74				205	195	10,00	UBND xã Đồng Thắng	K/công mới	
5	Đường Khuổi Nầu thôn Nà Kham xã Đồng Thắng	Số 84 ngày 27/10/2023 của UBND xã Đồng Thắng	329	231	12	87				114	114		UBND xã Đồng Thắng	K/công mới	
6	Đường Khuổi Lò, thôn Nà Văn	Số 85 ngày 27/10/2023 của UBND xã Đồng Thắng	400	280	14	106				100	100		UBND xã Đồng Thắng	K/công mới	
7	Đường Khuổi Viên, thôn Làng Sen	Số 95 ngày 27/10/2023 của UBND xã Đồng Thắng	257	180	9	68				100	100		UBND xã Đồng Thắng	K/công mới	

STT	Danh mục dự án/công trình	Tổng mức đầu tư					Lũy kế vốn bố trí đến năm 2023					Kế hoạch vốn năm 2024			Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số QĐ	Tổng số	NSTW	NSDP	Nguồn huy động khác	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP	14	15		
1			3=4+5+6	4	5	6	7=8+9	8	9	11=12+13	12	13	14	15		
IX	Xã Nghĩa Tả		1.662	1.163	60	439	-	-	-	832	810	22,00				
1	Tuyến đường từ đường nhựa quốc lộ 3c đi Nà Phàng	QĐ số 738 ngày 09/11/2023 của UBND xã Nghĩa Tả	279	195	10	74	-			116	106	10,00	UBND xã Nghĩa Tả	K/công mới		
2	Tuyến đường từ đường nhựa đến nhà ông Giáp thôn Nà Cà	QĐ số 742 ngày 09/11/2023 của UBND xã Nghĩa Tả	220	154	8	58				162	154	8,00	UBND xã Nghĩa Tả	K/công mới		
3	Tuyến đường trục thôn Khuổi Thóm thôn Nà Dẫy	QĐ số 741 ngày 09/11/2023 của UBND xã Nghĩa Tả	250	175	9	66				179	175	4,00	UBND xã Nghĩa Tả	K/công mới		
4	Tuyến đường trục thôn Nà Dẫy đoạn II thôn Nà Dẫy	QĐ số 739 ngày 09/11/2023 của UBND xã Nghĩa Tả	250	175	9	66				175	175		UBND xã Nghĩa Tả	K/công mới		
5	Tuyến đường trục thôn Nà Chàng - Nà Sám thôn Nà Đeng	QĐ số 740 ngày 09/11/2023 của UBND xã Nghĩa Tả	443	310	16	117				100	100		UBND xã Nghĩa Tả	K/công mới		
6	Tuyến đường cầu Khuổi Tầu ra nhà ông Thịnh thôn Bàn Bàng (đoạn 1)	QĐ số 743 ngày 09/11/2023 của UBND xã Nghĩa Tả	220	154	8	58				100	100		UBND xã Nghĩa Tả	K/công mới		

Mã Chương trình MTQG: 00492, Mã nguồn 43, Mã dự phòng: NSTW (Mã 100), Căn đối Ngân sách tỉnh (Mã 200).

BIỂU CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MÔC P.T KT-XH VÙNG ĐÔNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024 SAU ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Tờ trình số: /TT-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư				Lũy kế vốn bố trí đến năm 2023				Kế hoạch vốn 2024				Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					
				NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP				
	Tổng số (A+B+C)	1	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11	12		
A	DỰ AN 1		61.586	58.261	3.324	17.221	16.356	865	34.558	32.588,00	1.970,00				
I	Nội dung 2: Hỗ trợ nhà ở					3.266	3.010	256	4.415	4.075,00	340,00				
1	UBND xã Bình Trung					2.552	2.320	232	4.415	4.075,00	340,00				
2	UBND xã Yên Phương								88	80,00	8,00				
3	UBND xã Yên Mỹ								871	795,00	76,00				
4	UBND Thị trấn Bằng Lũng								352	320,00	32,00				
5	UBND xã Nam Cường								160	160,00	-				
6	UBND xã Đại Sào								440	400,00	40,00				
7	UBND xã Bằng Lãng								480	480,00					
8	UBND xã Bằng Phúc								132	120,00	12,00				
9	UBND xã Lương Bằng								44	40,00	4,00				
10	UBND xã Bản Thi								132	120,00	12,00				
11	UBND xã Xuân Lạc								264	240,00	24,00				
12	UBND xã Quảng Bạch								440	400,00	40,00				
13	UBND xã Tân Lập								176	160,00	16,00				
									748	680,00	68,00				

TT	Đanh mục dự án	Tổng mức đầu tư				Lũy kế vốn bố trí đến năm 2023				Kế hoạch vốn 2024				Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Số tiền		Trong đó		Trong đó:		Trong đó		Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW			NSDP
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSDP						
14	UBND xã Đồng Tháng										88	80,00	8,00	UBND xã Đồng Tháng		
B	DỰ ÁN 4 - ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG VÙNG ĐỒNG BÀO ĐTT&MIN	61.586	58.261	3.324	13.955	13.346	609	13.955	13.346	609	30.143	28.513,00	1.630,00			
	Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu cùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã ĐBK, thôn ĐBK	61.586	58.261	3.324	13.955	13.346	609	13.955	13.346	609	30.143	28.513,00	1.630,00			
I	Xã Xuân Lạc	3.650,0	3.467,5	182,5	49,8	43,8	6,0	49,8	43,8	6,0	2.116,0	2.000,00	116,00			
1	Rãnh thoát nước đường giao thông trục thôn Bàn Ó	1.100,00	1.045,00	55,00	49,8	43,8	6,0	49,8	43,8	6,0	1.049,0	1.000,00	49,00	UBND xã Xuân Lạc	DA chuyển tiếp	
2	Đập, kênh phai Nả Liêng thôn Bàn Phường	800,00	760,00	40,00							540,0	500,00	40,00	BQLDA ĐTXD	K/c mới	
3	Kênh thủy lợi Tổng Chứa	299,99	284,99	15,00							215,0	200,00	15,00	UBND xã Xuân Lạc	K/c mới	
4	Đường giao thông đoạn từ Tân Làng đến đường đi Bàn Phường xã Xuân Lạc	1.450,00	1.377,50	72,50							312,0	300,00	12,00	BQLDA ĐTXD	K/c mới	
II	Xã Đại Sáo	2.965	2.817	148	342	321	21	342	321	21	2.116	2.000,00	116,00			
1	Xây mới Đập + kênh Khau hương+ xi phông cánh đồng Nà Quan	1.015	964	51	342,0	321	20,7	342,0	321	20,7	673,0	643,00	30,00	BQLDA ĐTXD	DA chuyển tiếp	
2	Xây mới Nhà văn hóa thôn Bàn Loon	700,00	665,00	35,00							635,0	600,00	35,00	UBND xã Đại Sáo	K/c mới	

TT	Danh mục dự án	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Lũy kế vốn bố trí đến năm 2023			Kế hoạch vốn 2024			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số tiền			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				
			Trong đó	NSTW	NSDP	Trong đó:	NSTW	NSDP	Trong đó	NSTW	NSDP		
3	Xây mới Nhà văn hóa thôn Nà Luông	Số 169 ngày 09/11/2023 của UBND xã Đại Sào	700,00	665,00	35,00			635,00	600,00	35,00	UBND xã Đại Sào	K/c mới	
4	Xây mới đập Nà Yêu +Đoan 2 kênh Nà Yêu	Số 192 ngày 29/11/2023 của UBND xã Đại Sào	550,00	522,50	27,50			173,00	157,00	16,00	UBND xã Đại Sào	K/c mới	
III	Xã Bình Trung		7.925,00	7.528,80	396,30			2.116,00	2.000,00	116,00			
1	Đường liên thôn từ ngã ba Đèo Trào đến phân trường thôn Khười Đầy	QĐ số 2086 ngày 21/6/2022 của UBND huyện Chợ Đồn Chợ Đồn	5.015	4.764	251			1.350,00	1.300,00	50,00	BQLDA ĐTXD	Công trình quyết toán	
2	Đường trục thôn từ Nà De đến phân trường thôn Vằng Đuọc	Số 2077 ngày 21/6/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	2.110	2.005	106			26,00		26,00	BQLDA ĐTXD	Đã chuyển tiếp	
3	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Bàn Ca	Số 171 ngày 27/11/2022 của UBND xã Bình Trung	800,00	760,00	40,00			740,00	700,00	40,00	UBND xã Bình Trung	K/c mới	
IV	Xã Bàn Thi		2.925,80	2.779,60	146,30			2.116,00	2.000,00	116,00			
1	Đường liên thôn Kéo Nang - Khười Kén đoạn từ cầu số 1 vào đến khu nhà Kiến Lâm	QĐ số 142 ngày 14/11/2023 của UBND xã Bàn Thi	1.084,00	1.029,00	55,00			1.084,00	1.029,00	55,00	UBND xã Bàn Thi	K/c mới	
2	Đường liên thôn- Bàn Nhượng - Hợp Tiến (Việt trí Ao) đoạn từ nhà nhà Thanh Trụ đến nhà ông Phời	QĐ số 143 ngày 14/11/2023 của UBND xã Bàn Thi	1.234,70	1.173,80	60,90			426,00	395,00	31,00	UBND xã Bàn Thi	K/c mới	
3	Đường trục thôn Phiêng Lắm (đoạn từ đường vào khu nhà ông Sơn)	QĐ số 145 ngày 14/11/2023 của UBND xã Bàn Thi	490,00	465,50	24,50			489,00	465,00	24,00	UBND xã Bàn Thi	K/c mới	
4	Đường liên thôn Hợp Tiến - Phiêng Lắm đoạn từ nhà ông Minh đến cột Vina	QĐ số 144 ngày 14/11/2023 của UBND xã Bàn Thi	117,11	111,25	5,86			117,00	111,00	6,00	UBND xã Bàn Thi	K/c mới	
V	Xã Tân Lập		5.010,00	4.759,50	250,50			1.748,00	1.657,00	91,00			
								2.116,00	2.000,00	116,00			

TT	Đanh mục dự án	Tổng mức đầu tư				Lũy kế vốn bố trí đến năm 2023				Kế hoạch vốn 2024				Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Số tiền		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW			NSDP
			NSTW	NSDP			NSTW	NSDP		NSTW	NSDP					
1	Đường giao thông thôn Phiêng Đền	QĐ số 2083 ngày 21/6/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	4.370	4.152	219	1.748,0	1.657	91,0	1.600,00	116,00	1.716,0	1.600,00	116,00	BQLDA ĐTXD	Dự án chuyển tiếp	
2	Đường giao thông nội thôn Nà Lịn	QĐ 126 ngày 06/11/2023 của UBND xã Tân Lập	250	237,50	12,50				200,00		200,0	200,00		UBND xã Tân Lập	K/c mới	
3	Đập Nà Khâu thôn Bán Chang	QĐ 146 ngày 27/11/2023 của UBND xã Tân Lập	390	370,50	19,50				200,00		200,0	200,00		UBND xã Tân Lập	K/c mới	
VI	Xã Bằng Phúc		3.516	3.093	423	0	0	0	2.000,00	116,00	2.116	2.000,00	116,00			
1	Đường nội đồng từ Cốc Hón đến đường 257 B thôn Bán Quán	QĐ số 159 ngày 29/11/2023 của UBND xã Bằng Phúc	756	718	38	-			718,00	38,00	756,0	718,00	38,00	UBND xã Bằng Phúc	K/c mới	
2	Dự án nhà văn hoá xã Bằng Phúc	QĐ số 160 ngày 29/11/2023 của UBND xã Bằng Phúc	2.760,00	2.375,00	385,00	-			1.282,00	78,00	1.360,0	1.282,00	78,00	UBND xã Bằng Phúc	K/c mới	
VII	Xã Yên Mỹ		5.081,0	4.827,0	254,1	386,5	356,5	30,0	2.000,00	116,00	2.116,0	2.000,00	116,00			
1	Đập, Kênh Nà Pi Thôn Pác Khoang	Số 2081 ngày 21/6/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	600	570	30	386,5	357	30,0	175,29	-	175,3	175,29	-	BQLDA ĐTXD	Công trình quyết toán	
2	Nhà văn hóa thôn Pác Khoang	QĐ 952 ngày 29/11/2023 của UBND xã Yên Mỹ	600,00	570,00	30,00				401,71	26,00	427,7	401,71	26,00	UBND xã Yên Mỹ	K/c mới	
3	Nhà văn hóa thôn Nà Lặng	QĐ 951 ngày 29/11/2023 của UBND xã Yên Mỹ	800,00	760,00	40,00				300,00	20,00	320,0	300,00	20,00	UBND xã Yên Mỹ	K/c mới	
4	Đập, kênh Nà Chém, Xi phông sang Nà Lũng Thôn Nà Lặng	Số 4020 ngày 22/11/2023 của UBND huyện Chợ Đồn	1.251,00	1.188,45	62,55				300,00	30,00	330,0	300,00	30,00	BQLDA ĐTXD	K/c mới	
5	Đổ bê tông mặt đường đoạn II khuổi Tào	QĐ 953 ngày 29/11/2023 của UBND xã Yên Mỹ	850,00	807,50	42,50				600,00	20,00	620,0	600,00	20,00	UBND xã Yên Mỹ	K/c mới	

TT	Danh mục dự án	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Lũy kế vốn bố trí đến năm 2023				Kế hoạch vốn 2024				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số tiền		Lũy kế (tất cả các nguồn vốn)		Lũy kế (tất cả các nguồn vốn)		Kế hoạch (tất cả các nguồn vốn)							
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó						
6	Đập, kênh Kế Va, ống xi phông sang Cốc Cam Khuổi Lược thôn Bản Vong	Số 3739 ngày 06/11/2023 của UBND huyện Chợ Đồn	980,00	931,00	49,00					243,0	223,00	20,00	BQLDA ĐTXD	K/c mới		
VIII	Xã Yên Phong		7.367	6.999	368	3.404	3.338	66	2.116	2.000,00	116,00					
1	Nhà Văn hóa thôn Đơn Mạ	QB số 266 ngày 19/8/2022 của UBND xã Yên Phong	732	695	37	721,0	695	26,0	10,5			10,46	UBND xã Yên Phong	Công trình quyết toán		
2	Kênh mương Vàng Hồ tuyến Nà Voi thôn Khau Toọc xã Yên Phong	QB số 265 ngày 19/8/2022 của UBND xã Yên Phong, Điều chỉnh số 340 ngày 25/11/2022	453	430	23	525,0	505	20,0	2,6			2,60	UBND xã Yên Phong	Đã chuyển tiếp		
3	Nhà Văn hóa thôn Bản Tắm	QB số 266 ngày 19/8/2022 của UBND xã Yên Phong	603	573	30	592,0	572	20,0	10,0			10,00	UBND xã Yên Phong	Đã chuyển tiếp		
4	Phai Nà Te thôn Pác Cộp	QB số 267 ngày 19/8/2022 của UBND xã Yên Phong	650	618	33	533,0	533	-	116,0	84,00	32,00	UBND xã Yên Phong	Đã chuyển tiếp			
5	Mương Nà Lơi - Nà Chờ	QB số 267 ngày 19/8/2022 của UBND xã Yên Phong	100	95	5	100,0	100	-	5,0			5,00	UBND xã Yên Phong	Đã chuyển tiếp		
6	Đường nội đồng Bản Lành	QB số 341 ngày 25/11/2022 của UBND xã Yên Phong	800	760	40	600,0	600	-	410,0	390,00	20,00	UBND xã Yên Phong	Đã chuyển tiếp			
7	Đập kênh Nà Ngần, Nà Lìn, Nà Màng	QB số 340 ngày 25/11/2022 của UBND xã Yên Phong	843,05	801,0	42,1	333,0	333	-	425,9	400,00	25,94	UBND xã Yên Phong	Đã chuyển tiếp			
8	Đập, Kênh Nà Sầu - Nà Tắc xã Yên Phong	QB số 141 ngày 27/11/2023 của UBND xã Yên Phong	554,99	527,2	27,7				161,0	151,00	10,00	UBND xã Yên Phong	K/c mới			
9	Phai, mương Mu Nâu đoạn 2, thôn Bản Noong, xã Yên Phong	QB số 140 ngày 27/11/2023 của UBND xã Yên Phong	504,00	478,8	25,2				150,0	150,00		UBND xã Yên Phong	K/c mới			

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư				Lũy kế vốn bố trí đến năm 2023				Kế hoạch vốn 2024				Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Số tiền		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			
			NSTW	NSDP			NSTW	NSDP				NSTW	NSDP		
10	Nhà văn hóa thôn Bán Noóng	Q.Đ số 112 ngày 30/10/2023 của UBND xã Yên Phong	680,89	646,8	34,0	680,89	646,8	34,0	680,89	646,8	34,0	225,0	225,00	UBND xã Yên Phong	K/c mới
11	Nhà văn hóa thôn Khau Toọc	Q.Đ số 112b ngày 30/10/2023 của UBND xã Yên Phong	669,97	636,5	33,5	669,97	636,5	33,5	669,97	636,5	33,5	300,0	300,00	UBND xã Yên Phong	K/c mới
12	Nhà Văn hoá thôn Pác Lả	Q.Đ số 142 ngày 29/11/2023 của UBND xã Yên Phong	776,60	738,50	38,10	776,60	738,50	38,10	776,60	738,50	38,10	300,0	300,00	UBND xã Yên Phong	K/c mới
IX	Xã Lương Bằng		4.972,6	4.724,0	248,6	4.972,6	4.724,0	248,6	4.972,6	4.724,0	248,6	2.328,0	2.200,00		
1	Đường trục thôn Bán Diều - Bó Loóng	Số 242 ngày 30/11/2022 của UBND xã Lương Bằng	1.500	1.425	75	1.500	1.425	75	1.500	1.425	75	738,0	705,00	UBND xã Lương Bằng	Công trình quyết toán
2	Phai và Kênh Mương Nà Pẩu xã Lương Bằng	Số 3837 ngày 08/11/2023 của UBND H. Chợ Đồn	3.000,00	2.850,0	150,0	3.000,00	2.850,0	150,0	3.000,00	2.850,0	150,0	1.118,0	1.046,00	BQLDA ĐTXD	K/c mới
3	Nhà văn hóa + sân thể thao thôn Khôn Hén	Q.Đ 142 ngày 24/11/2023 của UBND xã Lương Bằng	472,60	448,97	23,63	472,60	448,97	23,63	472,60	448,97	23,63	472,0	449,00	UBND xã Lương Bằng	K/c mới
X	Xã Bằng Lãng		3.844,4	3.652,2	192,2	3.844,4	3.652,2	192,2	3.844,4	3.652,2	192,2	2.328,0	2.200,00		
1	Công trình đường nội đồng Tổng Mụ	Số 297 ngày 19/8/2022 của UBND xã Bằng Lãng	855	813	43	855	813	43	855	813	43	56,5	34,50	UBND xã Bằng Lãng	Trả nợ Quyết toán
2	Công trình Kè chống xói lở Nà Thán	Số 2079 ngày 21/6/2022 của UBND H. Chợ Đồn	670	637	34	670	637	34	670	637	34	645,5	636,50	BQLDA ĐTXD	DA chuyển tiếp
3	Công Trình Phai Cam Vai + Kênh mương, xã Bằng Lãng	Số 3881 ngày 28/11/2023 của UBND H. Chợ Đồn	800,00	760,00	40,00	800,00	760,00	40,00	800,00	760,00	40,00	800,0	760,00	BQLDA ĐTXD	K/c mới
4	Công trình phai Nà Vi, thôn Bán Nhì, xã Bằng Lãng	Số 132 ngày 24/11/2023 của UBND xã Bằng Lãng	409,84	389,34	20,49	409,84	389,34	20,49	409,84	389,34	20,49	210,0	200,00	UBND xã Bằng Lãng	K/c mới
5	Công trình Phai Nà Tèn, thôn Nà Niêng, xã Bằng Lãng	Số 133 ngày 24/11/2023 của UBND xã Bằng Lãng	434,70	412,97	21,74	434,70	412,97	21,74	434,70	412,97	21,74	214,0	200,00	UBND xã Bằng Lãng	K/c mới
6	Công Trình Phai Nà Khoang, thôn Bán Cưa, xã Bằng Lãng	Số 134 ngày 24/11/2023 của UBND xã Bằng Lãng	375	355,98	18,74	375	355,98	18,74	375	355,98	18,74	218,0	200,00	UBND xã Bằng Lãng	K/c mới

TT	Danh mục dự án	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Lũy kế vốn bố trí đến năm 2023				Kế hoạch vốn 2024				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số tiền		Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó			
					NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		
7	Công Trình Phai Nà Kiu, thôn Nà Lọc xã Bằng Lăng	Số 135 ngày 24/11/2023 của UBND xã Bằng Lăng	299,81	284,81	15,00	664,5	624,0	40,5	184,0	169,00	15,00	UBND xã Bằng Lăng	K/c mới			
II.11	Xã Nam Cường		1.320,1	1.255,2	65,0	951,0	900,00	51,00								
1	Đường nội thôn đoạn Lũng Noong - Lũng Y	Số 54 ngày 27/6/2022 của UBND xã Nam Cường	220	210	10	215,0	200	15,0	10,0	10,00		UBND xã Nam Cường	ĐA chuyển tiếp			
2	Đường nội thôn Lũng Noong đoạn 2	Số 158 ngày 29/9/2023 của UBND xã Nam Cường	92,60	88,00	4,60	-	-	-	92,6	88,00	4,60	UBND xã Nam Cường	K/c mới			
3	Sân thể thao nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Lũng Noong	Số 208 ngày 29/9/2023 của UBND xã Nam Cường	200,00	190,00	10,00	-	-	-	200,0	190,00	10,00	UBND xã Nam Cường	K/c mới			
4	Nhà văn hóa thôn Bản Lôm	Số 45 ngày 23/6/2022 của UBND xã Nam Cường	508	482	25	449,5	424	25,5	142,9	138,00	4,90	UBND xã Nam Cường	ĐA chuyển tiếp			
5	Đường giao thông Bản Quả-Thôn Púng đoạn 1	Số 214 ngày 29/9/2023 của UBND xã Nam Cường	300,00	285,00	15,00	-	-	-	300,0	285,00	15,00	UBND xã Nam Cường	K/c mới			
	Chưa phân bổ chi tiết								205,5	189,00	16,50	UBND xã Nam Cường				
XII	Thị trấn Bằng Lũng		1.417,43	1.346,55	70,87	-	-	-	951,00	900,00	51,00					
1	Đường nội đồng Nà Chá, thôn Bản Đường 2	Số 205 ngày 23/11/2023 của UBND thị trấn Bằng Lăng	106,39	101,07	5,32	-	-	-	106,3	101,00	5,30	UBND thị trấn Bằng Lăng	K/c mới			
2	Kênh mương phai Lum, thôn Bản Đường 2	Số 204 ngày 21/11/2023 của UBND thị trấn Bằng Lăng	100,00	95,00	5,00	-	-	-	100,0	95,00	5,00	UBND thị trấn Bằng Lăng	K/c mới			
3	Làm Đường nội thôn Cốc Bẩy, thôn Nà Pải	Số 191 ngày 06/10/2023 của UBND thị trấn Bằng Lăng	31,64	30,06	1,58	-	-	-	31,5	30,00	1,50	UBND thị trấn Bằng Lăng	K/c mới			
4	Xây dựng đập Khu C thôn Bản Tân	Số 3740 ngày 06/11/2023 của UBND H. Chợ Đồn	844,40	802,18	42,22	-	-	-	378,5	356,00	22,50	HỢI ĐA ĐTXD	K/c mới			

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư				Lũy kế vốn bố trí đến năm 2023				Kế hoạch vốn 2024				Ghi chú		
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Số tiền		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	NSTW	NSDP	NSTW		NSDP	
			NSTW	NSDP												NSTW
5	Đường nội thôn Nà Bắc, thôn Nà Pải, thị trấn Bằng Lũng	Số 179 ngày 14/10/2023 của UBND thị trấn Bằng Lũng	335,00	318,25	16,75							334,7	318,00	16,70	UBND thị trấn Bằng Lũng	K/c mới
XIII	Xã Quảng Bạch		609,7	579,3	30,5	200,0	24,0	224,0	24,0			634,0	600,00	34,00		
1	Đường giao thông liên thôn Khuổi Đăm - Khuổi Vưa	số 2076 ngày 21/6/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	610	579	30	200	24,0	224,0				402,0	380,00	22,00	BQLDA ĐTXD	Công trình quyết toán
2	Đường trục thôn Khuổi Vưa đoạn nhà ông Đặng Phúc Văn	Số 132 ngày 27/11/2023 của UBND xã Quảng Bạch	232	220	12							232,0	220,00	12,00	UBND xã Quảng Bạch	
XIV	Xã Yên Thịnh		716	680	36	-	-	-	-	-	-	317	300,00	17,00		
1	Đường trục thôn Khuổi Lịa đoạn từ nhà Kéo Cặp đến nhà ông Hiền	Số 123 ngày 27/11/2023 của UBND xã Yên Thịnh	358,00	340,10	17,90							160,0	150,00	10,00	UBND xã Yên Thịnh	K/c mới
2	Đường giao ngõ xóm thôn Khuổi Lịa đoạn từ đường trục thôn đến nhà ông Liễu	Số 124 ngày 27/11/2023 của UBND xã Yên Thịnh	358,00	340,10	17,90							157,0	150,00	7,00	UBND xã Yên Thịnh	K/c mới
XV	xã Nghĩa Tá		1.432,0	1.360,4	71,6	591,0	32,0	623,0	32,0			317,0	300,00	17,00		
1	Mở đường từ Khuổi Dạ đi Kéo Vạt	QĐ số 58a ngày 02/8/2022 của UBND xã Nghĩa Tá	1.000	950,00	50,00			623,0	32,0			217,0	200,00	17,00	UBND xã Nghĩa Tá	DA chuyển tiếp
2	Cầu tràn Khuổi Dạ	QĐ số 791 ngày 29/11/2023 của UBND xã Nghĩa Tá	432	410,4	21,6							100,0	100,00		UBND xã Nghĩa Tá	K/c mới
II.16	Xã Đồng Thắng		2.218	2.107	111	296	18	314	296	18		951	900,00	51,00		
1	Kè chống xói bờ sông cánh đồng Nà Phành, thôn Pác Giã	QĐ số 2882 ngày 28/11/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	618	587	31	296	18,0	314,0				187,0	174,00	13,00	BQLDA ĐTXD	DA chuyển tiếp, quyết toán
2	Công trình nâng cấp đường trục thôn Nà Mèo	QĐ số 44 ngày 16/10/2023 của UBND xã Đồng Thắng	300,00	285,00	15,00	-	-	-	-	-	-	300,0	285,00	15,00	UBND xã Đồng Thắng	K/c mới
3	Công trình nâng cấp đường trục thôn Nà Mèo đến Nà Mò	QĐ số 52 ngày 20/10/2023 của UBND xã Đồng Thắng	300,00	285,00	15,00	-	-	-	-	-	-	300,0	285,00	15,00	UBND xã Đồng Thắng	K/c mới

TT	Danh mục dự án	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Số tiền		Lấy kế vốn bố trí đến năm 2023			Kế hoạch vốn 2024			Chủ đầu tư	Ghi chú	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			
				NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW			NSDP
4	Công trình đường trục thôn Pác Giã đi Khuổi Ném	QĐ số 48 ngày 18/10/2023 của UBND xã Đồng Thắng	1.000,00	950,00	50,00	-	-	-	164,0	156,00	8,00	UBND xã Đồng Thắng	K/c mới
II.17	Cấp huyện		6.616	6.285	331	1.404	1.392	12	4.438	4.213,00	225,00		
1	Trường TH&THCS Bằng Phúc	số 2678 ngày 22/8/2022 của UBND huyện Chợ Đồn	6.616	6.285	331	1.404,1	1.392	12,0	4.438,0	4.213,00	225,00	BQLDA ĐTXD	Đã chuyển tiếp

Mã Chương trình MTQG: 00514, Mã nguồn 43, Mã dự phòng: NSTW (Mã 100), Căn đối Ngân sách tỉnh (Mã 200).



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-HĐND

Chợ Đồn, ngày tháng 4 năm 2024

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 (lần 1)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐÒN
KHOÁ XX, KỶ HỌP THỨ 13 (Kỳ họp chuyên đề)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND huyện về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư thực hiện các Chương trình MTQG năm 2024

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện về dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch đầu tư công thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày /4/2024 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 (lần 1), cụ thể như sau:

1. Vốn chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

Điều chỉnh danh mục thực hiện của xã Ngọc Phái, cụ thể:

- Điều chỉnh giảm không thực hiện danh mục công trình: Kênh mương Lũng Vài thôn Nà Tùm, xã Ngọc Phái, số tiền: 118 triệu đồng, do công trình không huy động được phần nhân dân đóng góp để triển khai thực hiện dự án.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn giao công trình Đường trục thôn Bản Cuôn 1 (đoạn 3), số tiền: 120 triệu đồng (Số kế hoạch vốn sau điều chỉnh là: 745 triệu đồng). Do công trình đã triển khai thực hiện và dư kế hoạch vốn so với khối lượng thực hiện.

- Điều chỉnh bổ sung 03 danh mục để triển khai thực hiện trong năm 2024 gồm:

+ Công trình: Rãnh thoát nước thôn Bản Ôm, số tiền: 78 triệu đồng.

+ Công trình: Đường ngõ xóm thôn Bản Ôm (Đoạn từ nhà ông Lương Văn Hướng lên nhà ông Hoàng Văn Hữu và đoạn từ nhà ông dừng đến bờ suối), số tiền: 92 triệu đồng.

+ Công trình: Kênh mương Nà Khoác - Nà Tèo (đoạn 2), số tiền: 68 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 02)

2. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

Điều chỉnh tên chủ đầu tư của 02 công trình; điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đã cấp cho UBND xã Đồng Thắng và UBND xã Tân Lập cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện. Cụ thể:

+ Công trình: Đường Giao thông thôn Phiêng Đén xã Tân Lập, số tiền: 1.716 triệu đồng.

+ Công trình: Kè Chống xói bờ sông cánh đồng Nà Phành thôn Pác Già xã Đồng Thắng, số tiền: 187 triệu đồng.

Lý do điều chỉnh: Do sơ xuất trong quá trình tổng hợp đã nhầm tên chủ đầu tư giữa UBND xã Đồng Thắng, UBND xã Tân Lập và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện.

(Chi tiết tại biểu số 02)

3. Danh mục dự án sau điều chỉnh: Chi tiết tại biểu số 03, 04.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân huyện Chợ Đồn khoá XX, kỳ họp thứ 13 (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày ... tháng 4 năm 2024./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM;
- TT Huyện uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- TT Đảng uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, thị trấn;
- Đại biểu HĐND huyện;
- LĐVP;
- Công TTĐT huyện (Đăng tải);
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Ma Thị Na